

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch tu bổ đê điều năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 947/TTr-SNN-CCTL ngày 09/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tu bổ đê điều năm 2022 như sau (Có phụ lục chi tiết đính kèm):

1. Giải pháp tu bổ

a. Tu bổ, đắp mở rộng, cứng hóa mặt đê

- Tu sửa, cứng hóa mặt đê bằng bê tông M300# với chiều rộng mặt bê tông từ (5÷10,5) m; chiều dày (25÷30)cm, móng lót bằng các lớp đá dăm cấp phối để phục vụ công tác kiểm tra, hộ đê, kết hợp làm đường giao thông.

- Đắp bổ sung mở rộng mặt đê, rải cấp phối đá dăm kết hợp làm đường giao thông.

- Tu sửa kè bị hư hỏng xuống cấp là vị trí có mái đê là mái kè sát sông nhằm bảo vệ kiên cố hóa mái đê.

b. Xây dựng đường hành lang chân đê và kho vật tư - Hạt Quản lý đê

- Làm đường hành lang chân đê nhằm chống vi phạm hành lang bảo vệ đê điều với chiều rộng mặt từ (4 ÷5) m, dày 25 cm, lớp lót đá dăm cấp phối dày (14÷20)cm kết hợp làm đường giao thông nông thôn, phía ngoài xây rãnh thoát nước.

- Xây dựng kho vật tư dự trữ phòng chống lụt bão - Hạt Quản lý đê huyện Tiên Du với giải pháp: Xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ, nhà kho, tôn cao nền

sân, nền nhà kho theo cao trình đường giao thông trước nhà kho tạo điều kiện để vận chuyển vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

2. Khối lượng chính

- Đất đào đắp: 141.900 m³;
- Bê tông, gạch, đá: 40.200 m³;
- Thép các loại: 80,0 tấn.

3. Tổng kinh phí đầu tư (dự kiến): **85.000.000.000 đồng** (Tám mươi lăm tỷ đồng)

4. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí sự nghiệp Thủy lợi của tỉnh năm 2022

5. Thời gian thực hiện: Xong trước 31/12/2022.

6. Phân giao nhiệm vụ

Chi cục Thủy lợi Bắc Ninh (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) làm chủ đầu tư, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Kho bạc nhà nước Bắc Ninh; Chi cục Thủy lợi và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận: *MĐ*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: CVP. PCVPNN;
- Lưu: HC, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Tuấn
Vương Quốc Tuấn

DANH MỤC, KHỐI LƯỢNG, KINH PHÍ KẾ HOẠCH TU BỔ ĐỀ ĐIỀU NĂM 2022 TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Hạng mục tuyến đê	Huyện	Vị trí tu bổ (Km)	Giải pháp kỹ thuật	Khối lượng			Tổng kinh phí (triệu đồng)	
					Đất (m3)	Gạch, đá, Bê tông (m3)	Thép các loại (tấn)	Tổng	Xây lắp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Tu sửa, đắp mở rộng, cứng hóa mặt đê					111.200	29.900	40	58.000	58.000
1	Cánh Hưng	Tiên Du	K3+100 - K4+325	Tu sửa, cứng hóa mở rộng mặt đê	1.000	3.500		5.000	5.000
2	Đê bao trạm bơm Môn Quảng	Gia Bình	K0+000 - K0+700	Tu sửa, cứng hóa mở rộng mặt đê	1.200	1.300		2.000	2.000
3	Hữu Đổng	Thuận Thành	K22+050 - K23+500 K26+650 - K28+050	Tu sửa, lún, nứt gãy mặt đê	31.000	14.000		30.000	30.000
4	Hữu Cầu	Yên Phong	K33+950 - K35+500	Tu sửa mặt đê bị hư hỏng	3.000	1.300		4.500	4.500
5	Hữu Cầu	Quế Võ	K79+410 - K80+100	Sửa chữa mái kè Hiền Lương	15.000	8.000	40,0	10.000	10.000
6	Đào Viên	Quế Võ	K0+000 - K2+100	Tu bổ, đắp mở rộng, rải cấp phối đá dăm mặt đê	60.000	1.800		6.500	6.500
II. Xây dựng đường hành lang chân đê và kho vật tư - Hạt QLĐ					30.700,0	10.300,0	40,0	19.700,0	19.700,0
1	Hữu Đổng	Thuận Thành	K24+000 - K24+750	Tu sửa, làm đường hành lang chân đê	4.000	1.700	4,50	2.200	2.200
2	Hữu Đổng	Gia Bình	K43+000 - K43+400	Tu sửa, làm đường hành lang chân đê	3.200	1.000	3,00	1.500	1.500
3	Hữu Cà Lò	Yên Phong	K8+300 - K9+000	Tu sửa, làm đường hành lang chân đê	4.000	1.600	4,50	2.000	2.000
4	Hữu Cầu	TP Bắc Ninh	K57+000 - K58+300	Tu sửa, làm đường hành lang chân đê	5.000	3.500	5,00	4.200	4.200
5	Hữu Cầu	Quế Võ	K80+000 - K80+400	Tu sửa, làm đường hành lang chân đê	2.500	1.000	3,00	1.800	1.800
6	Tả Đổng	Tiên Du	K26+600	Xây dựng kho vật tư dự trữ PCLB - Hạt Quản lý đê huyện Tiên Du	12.000	1.500	20,00	8.000	8.000
III. Chi phí khác								7.300	
1	Khảo sát, thiết kế + thẩm định + lập HSMT, đánh giá HSMT, Quản lý dự án							5.000	
2	Chi phí giám sát thi công							1.600	
3	Bảo hiểm + Quyết toán							700	
	Tổng				141.900	40.200	80	85.000	77.700